

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 4 - 2024

V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Sơn

2. Bà Mai Lương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 858/2023/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 36C, khu quy hoạch đường T, Phường D, Thành phố Đ, Tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 36C, khu quy hoạch đường T, Phường D, Thành phố Đ, Tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Thùy trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tình cảm, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận N, Thành phố C. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà sống tại thành phố V đến đầu năm năm 2021 cả hai chuyển lên Đ sinh sống cho đến nay. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong công việc kinh doanh thường xuyên cãi vã do không cùng quan điểm, không cùng tiếng nói chung. Mọi việc kinh tế trong gia đình đều do chị T gánh vác, cuộc sống mệt mỏi áp lực nhưng không được anh S chia sẻ. Cả hai thường xuyên chiến tranh lạnh và xung đột lớn, kèm theo những lời nói xúc phạm lẫn nhau làm ảnh hưởng đến tinh thần của con và từ đó dẫn đến quan hệ vợ chồng bị rạn

nứt. Hiện tại cả hai vẫn đang sống cùng nhau nhưng việc ai nấy làm, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh S không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 26/09/2012. Ly hôn chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có 02 mảnh đất tại tỉnh B. Ly hôn, chị tự thỏa thuận giải quyết với anh S, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh S không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành và chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nợ chung chị T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung, giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 26/09/2012 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, về việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị xác định tự thỏa giải quyết với anh S, về nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh S theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh S kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận N, Thành phố C. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh S và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh S vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã trầm trọng do vợ chồng không hợp nhau nên không có sự chia sẻ trong cuộc sống hàng ngày, không tìm được tiếng

nói chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng luôn xảy ra xung đột, không hạnh phúc. Do mâu thuẫn kéo dài nên cả hai vợ chồng đã tự sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh S được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 26/9/2012. Hiện con đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu Nguyễn Ngọc Vân A đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 26/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận với anh S, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 26/09/2012 cho chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000105 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND phường A, quận N, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Minh Hoà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Hoà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Hoà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Hoà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Hoà